

Số:01 /KHGD-LMNAA

Lai Uyên, ngày 01 tháng 01 năm 2021

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2020 - 2021

*Căn cứ vào việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trẻ năm học 2020 - 2021;*

*Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị, năng lực của cán bộ giáo viên, khả năng và nhận thức của trẻ.*

Bộ phận chuyên môn Lớp Mầm Non An An đề ra kế hoạch giáo dục năm học 2020 -2021 như sau:

### **A. PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG**

#### **1. Đội ngũ:**

- Số lượng cán bộ, giáo viên: 6. Trong đó:
  - + Chủ cơ sở: 01;
  - + Chủ nhóm trẻ: 01;
  - + Giáo viên: 03;
  - + Cấp dưỡng: 01;
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ CB.GV

<b>Tình độ</b>	<b>CBQL</b>	<b>GIÁO VIÊN</b>	<b>Ghi chú</b>
Đại học	01		
Cao đẳng		01	
Trung cấp		02	
Chưa qua đào tạo		0	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1</b>	<b>03</b>	

#### **2. Quy mô nhóm lớp, trẻ:**

- Tổng số nhóm lớp: 02 nhóm lớp. Trong đó:
  - + Nhà Trẻ: 01 nhóm( Nhóm 1)
  - + Lớp mầm+ chồi: 01
- Tổng số trẻ: 40 trẻ. Trong đó:
  - + Nhà Trẻ: 20
  - + Lớp mầm+ chồi: 20 trẻ

## B. MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC.

### I. MỤC TIÊU CHUNG:

#### 1. Nhà trẻ:

LĨNH VỰC	MỤC TIÊU
<b>Phát triển thể chất</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</li><li>- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.</li><li>- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.</li><li>- Có một số tổ chức vận động ban đầu (nhẹ nhàng, khéo léo, thăng bằng cơ thể).</li><li>- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.</li><li>- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.</li></ul>
<b>Phát triển nhận thức</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.</li><li>- Có sự nhạy cảm của các giác quan.</li><li>- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.</li><li>- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.</li></ul>
<b>Phát triển ngôn ngữ</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.</li><li>- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.</li><li>- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.</li><li>- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.</li><li>- Hồn nhiên trong giao tiếp.</li></ul>
<b>Phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mỹ</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.</li><li>- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.</li><li>- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.</li><li>- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...</li></ul>

#### 2. Mẫu giáo

LĨNH VỰC	MỤC TIÊU
<b>Phát triển thể chất</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.</li> <li>- Thực hiện được vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.</li> <li>- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.</li> <li>- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.</li> <li>- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.</li> <li>- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.</li> </ul>
<b>Phát triển nhận thức</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.</li> <li>- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.</li> <li>- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.</li> <li>- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.</li> <li>- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.</li> </ul>
<b>Phát triển ngôn ngữ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.</li> <li>- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).</li> <li>- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.</li> <li>- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.</li> <li>- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.</li> <li>- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.</li> </ul>
<b>Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức về bản thân.</li> <li>- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.</li> <li>- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.</li> <li>- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.</li> <li>- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.</li> </ul>

<b>Phát triển thẩm mỹ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.</li> <li>- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.</li> <li>- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.</li> </ul>
---------------------------	--

## II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC.

### 1. Nhà trẻ:

#### 1.1. Nhóm 18-24 tháng

<b>Lĩnh vực</b>	<b>Số thứ tự</b>	<b>Mục tiêu giáo dục năm học</b>	<b>Nội dung giáo dục năm học</b>
Phát triển thể chất	1	Cân nặng trẻ đạt theo độ tuổi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho trẻ ăn, uống đủ đúng theo định lượng.</li> <li>- Có chế độ sinh hoạt, tập luyện phù hợp, khoa học.</li> <li>- Trẻ đạt cân nặng theo độ tuổi</li> </ul>
	2	Chiều cao trẻ đạt theo độ tuổi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho trẻ ăn, uống đủ đúng theo định lượng.</li> <li>- Có chế độ sinh hoạt, tập luyện phù hợp, khoa học.</li> <li>- Trẻ đạt cân nặng theo độ tuổi</li> </ul>
	3	Biết lăn/ bắt bóng với người khác.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầm được bóng bằng hai tay.</li> <li>- Cầm bóng được và lăn bóng cho bạn, cho cô.</li> <li>- Bắt bóng bằng hai tay</li> </ul>
	4	Xếp tháp, lồng hộp; xếp chồng 4-5 hình khối.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầm được các khối gỗ bằng 1 tay.</li> <li>- Nhận biết hộp nhỏ, hộp to.</li> <li>- Đặt các khối gỗ chồng lên nhau.</li> </ul>
	5	Biết thể hiện một số nhu cầu ăn uống, vệ sinh bằng cử chỉ, lời nói.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh.</li> <li>- Tập ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh.</li> <li>- Tập rửa tay, lau mặt, xúc cơm ăn, uống nước....</li> </ul>
	6	Biết tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tay: Giơ tay cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau.</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưng bụng: cúi người về phía trước, nghiêng người sang hai bên.</li> <li>- Chân: ngồi, chân dang sang hai bên, nhấc cao từng chân, nhấc cao hai chân.</li> </ul>
	7	Tập bò, trườn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò theo hướng thẳng.</li> <li>- Bò theo cô.</li> <li>- Trườn cùng cô</li> </ul>
	8	Tập đi, chạy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi theo hướng thẳng.</li> <li>- Đi trong đường hẹp.</li> <li>- Đi bước qua vật cản.</li> </ul>
	9	Tập bước lên, xuống bậc thang	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập bước lên, xuống bậc thang</li> <li>- Tập bước lên, xuống bậc thềm</li> </ul>
	10	Tập tung, ném	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngồi lăn bóng</li> <li>- Đứng ném, tung bóng</li> </ul>
	11	Đóng mở nắp có ren	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng mở nắp hộp</li> <li>- Đóng mở chai nước</li> </ul>
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.	12	Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cô đọc thơ, đồng dao, ca dao cho trẻ nghe</li> <li>- Trẻ đọc thơ, đồng dao, ca dao theo cô</li> <li>- Trẻ hát theo cô</li> </ul>
	13	Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe cô gọi tên quay lại</li> <li>- Lấy ca, muống... giúp cô</li> <li>- Lấy đồ chơi cô yêu cầu</li> </ul>
	14	Thể hiện nhu cầu của mình bằng câu đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi vệ sinh</li> <li>- Uống nước</li> <li>- Lấy đồ chơi trẻ thích</li> </ul>
	15	Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Con gà</li> <li>- Búp bê, em bé, khăn, ca, xe...</li> <li>- Bị đau, muốn uống nước...</li> </ul>
	16	Làm quen với sách	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở sách</li> <li>- Xem sách, xem tranh chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh</li> </ul>
	17	Nói được câu đơn 2-3 tiếng: đi chơi; mẹ bé; mẹ bé bé; ...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được nhu cầu của bản thân.</li> <li>- Nói 1 từ, 2 từ, 3 từ.</li> </ul>
	18	- Trả lời được câu hỏi: “Ai đây”? “con gì đây”? “Cái gì đây”?..., “ở đâu”, “thế nào”?	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? làm gì? ở đâu? thế nào? để làm gì? Tại sao?...</li> </ul>

			+ Hỏi về các vấn đề quan tâm: con gì đây? Cái gì đây?
Lĩnh vực phát triển nhận thức	19	Chỉ/ lấy được đồ vật có màu đỏ hoặc xanh	- Nói tên đồ vật, màu đỏ, màu xanh. - Nhận biết màu đỏ, màu xanh - Lấy đồ vật có màu theo yêu cầu của cô.
	20	Làm theo chỉ dẫn một số yêu cầu đơn giản (lấy cốc uống nước, lau miệng, đi đến đây).	- Nghe, hiểu lời nói đơn giản của cô. - Lấy đúng đồ dung cô yêu cầu. - Làm đúng theo lời nói với sự giúp đỡ của cô.
	21	Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh	- Nghe thấy tiếng gõ - Quay đầu và tìm nơi có tiếng gõ
	22	Biết tên một số bộ phận của cơ thể	- Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
	23	Chỉ/ gọi tên được một số đồ dùng, đồ chơi, con vật, quả quen thuộc.	- Tên đồ chơi trong lớp: trống, kèn, xe... - Tên đồ dùng của trẻ: khăn, ca (cốc), muỗng (thìa)....
	24	Tên phương tiện giao thông gần gũi	- Xe đạp, xe máy, nón....
Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng và xã hội.	25	Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh.	- Đứng soi mình trước gương. - Chỉ vào hình ảnh của mình trong gương, trong ảnh khi được hỏi.
	26	Thích nghe hát, vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư...).	- Nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát một số bài hát quen thuộc và vận động đơn giản theo nhạc.
	27	Giao tiếp với cô và bạn	- Nói chuyện với bạn khi chơi - Trả lời câu hỏi của cô, đọc thơ, hát múa theo cô...
	28	Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh: vui, buồn, sợ...
	29	Hành vi giao tiếp đơn giản	- Chào và tạm biệt cô, chào mẹ. - Nói từ ạ, cảm ơn
	30	Quan tâm đến các vật nuôi	- Tên con vật - Các bộ phận của con vật

## 1.2. Nhóm 24-36 tháng

Lĩnh vực	Số thứ tự		Nội dung giáo dục năm học
----------	-----------	--	---------------------------

		<b>Mục tiêu giáo dục năm học</b>	
Phát triển thể chất	1	Cân nặng của trẻ đạt theo độ tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho trẻ ăn, uống đủ đúng theo định lượng.</li> <li>- Có chế độ sinh hoạt, tập luyện phù hợp, khoa học.</li> <li>- Trẻ đạt cân nặng theo độ tuổi</li> </ul>
	2	Chiều cao của trẻ đạt theo độ tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho trẻ ăn, uống đủ đúng theo định lượng.</li> <li>- Có chế độ sinh hoạt, tập luyện phù hợp, khoa học.</li> <li>- Trẻ đạt cân nặng theo độ tuổi</li> </ul>
	3	- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, bụng, lườn....	- Trẻ thực hiện được các động tác: hít thở, tay, bụng, lườn, chân trong bài tập thể dục
	4	- Trẻ giữ được thăng bằng, đi thẳng người trong vận động đi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi theo hiệu lệnh.</li> <li>- Đi trong đường hẹp.</li> <li>- Đi thẳng người.</li> <li>- Đi có mang vật trên tay.</li> <li>- Bước qua gậy kê cao</li> </ul>
	5	- Trẻ chạy theo hướng thẳng và đổi hướng không mất thăng bằng; chạy chậm theo cô.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy theo hướng thẳng.</li> <li>- Chạy chậm</li> <li>- Chạy nhanh</li> </ul>
	6	- Bật xa bằng hai chân khoảng cách 20 cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật tại chỗ.</li> <li>- Bật xa...</li> </ul>
	7	- Thực hiện phối hợp vận động tay- mắt. Tung- bắt bóng với người khác ở khoảng cách 1m;	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bóng về phái trước</li> <li>- Tung bóng cho bạn, cho cô</li> <li>- Tung –bắt bóng cùng cô ở khoảng cách 1m</li> </ul>
	8	- Ném vào đích xa 1-1,2m	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném bóng về phía trước</li> <li>- Ném bóng vào đích</li> </ul>
	9	- Phối hợp tay chân cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng</li> <li>- Bò chui qua cổng</li> <li>- Bò qua vật cản.</li> <li>- Bò theo hiệu lệnh</li> </ul>
	10	- Phối hợp tay chân cơ thể trong khi trườn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trườn theo hướng thẳng</li> <li>- Trườn qua vật cản.</li> <li>- Trườn tự do</li> </ul>
	11	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, nhào, vò xé..

		hoạt động. Xâu được chuỗi hạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập xâu chuỗi hạt, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây</li> <li>- Chắp ghép hình</li> <li>- Chồng, xếp 6-8 khối</li> <li>- Tập cầm bút tô vẽ</li> <li>- Lật mở trang sách</li> </ul>
	12	- Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.</li> <li>- Xúc cơm, uống nước</li> <li>- Tập luyện nề thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vớt rác dung nơi quy định.</li> </ul>
	13	- Ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa
	14	- Làm được một số việc tự phục vụ đơn giản: tự xúc ăn, uống nước, cài cúc áo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh</li> <li>- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định</li> <li>- Tập rửa tay, lau mặt, xúc cơm ăn, uống nước....</li> </ul>
	15	- Biết tránh một số vật dụng nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.	16	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe: Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 -3 hành động.</li> <li>- Trả lời được câu hỏi: ai đây? cái gì đây? làm gì? thế nào?...</li> <li>- Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.</li> <li>- Nghe các từ chỉ tên đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.</li> <li>- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.</li> <li>- Nghe câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?</li> <li>- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.</li> </ul>
	17	- Nói: Phát âm rõ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm các âm khác nhau.</li> <li>- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.</li> <li>- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài.</li> <li>- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý.</li> </ul>

	18	- Đọc được bài thơ ngắn. Hát được bài hát ngắn, đơn giản.	- Đọc được thơ, kể lại truyện ngắn quen thuộc theo tranh với sự giúp đỡ của người lớn..
	19	- Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản.	- Nói được câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật hành động, đặc điểm quen thuộc. + Chào hỏi, trò chuyện. - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản.
	20	- Trả lời được câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? Làm gì?	- Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? làm gì? ở đâu? thế nào? để làm gì? Tại sao?... + Hỏi về các vấn đề quan tâm: con gì đây? Cái gì đây?
	21	- Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng được những từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
	22	- Làm quen với sách: Thích nghe người khác đọc sách.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh.
Lĩnh vực phát triển nhận thức	23	- Luyện tập phối hợp các giác quan: thị giác thính giác, khứu giác, vị giác.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.
	24	- Thích khám phá đồ vật. Biết dùng một số đồ vật thay thế trong trò chơi	- Sờ nắn, nhìn, ngửi.... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. Biết thay thế các đồ vật cần thiết trong quá trình chơi.
	25	- Sờ nắn, nhìn nghe, ngửi nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì.
	26	Nói được tên một số bộ phận: cơ thể, đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc. Biết tên cô giáo và một số bạn trong lớp	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.... - Trẻ biết gọi tên cô giáo và các bạn trong lớp.
	27	- Một số đồ dùng đồ chơi:	- Tên đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

			- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.
	28	- Một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
	29	- Nhận biết được một vài đặc điểm nổi bật của một số đồ vật, hoa, cây cối, con vật, gần gũi.	- Tên và đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Biết được một vài đặc điểm nổi bật của một số đồ vật, hoa, quả, cây cối, con vật gần gũi (màu sắc, hình dạng) và công dụng.
	30	- Chỉ, lấy, gọi tên đồ vật có màu đỏ, vàng, xanh khi yêu cầu - Chỉ, lấy, đồ vật có kích thước to – nhỏ theo yêu cầu	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Kích thước to – nhỏ. - Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một – nhiều. - Biết dùng một số đồ vật thay thế trong trò chơi. - Nhận ra 3 màu cơ bản (đỏ, vàng, xanh). - Nhận biết và phân biệt kích thước to nhỏ, hình vuông, hình tròn, vị trí trong không gian (trên dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ.
	31	- Bản thân, người gần gũi:	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn trong nhóm /lớp.
Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng và xã hội.	32	- Phát triển tình cảm, ý thức về bản thân.	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Nói được một vài thông tin về mình.

33	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc:	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - Thể hiện được điều mình thích và không thích.
34	- Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi:	- Giao tiếp với những người xung quanh. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Chơi thân thiện cạnh trẻ khác. - Biết một số việc được phép làm, không được phép làm.
35	- Thích tự làm một số việc đơn giản. Thích chơi với bạn. Biết được một số việc được phép làm, không được phép làm	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Trẻ biết nhưng việc trẻ nên làm không nên làm như đánh bạn, tranh giành đồ chơi....
36	- Quan tâm đến các vật nuôi.	- Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi
37	- Bắt chước một số hành vi xã hội đơn giản: bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại.	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (bế em, khuấy bột cho em, nghe điện thoại...) - Biết chào hỏi, tạm biệt cảm ơn, vâng, dạ.
38	- Nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi...	- Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ
39	- Thực hiện được một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt trong nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào.
40	- Chào, tạm biệt, cảm ơn, dạ, vâng ạ khi được nhắc nhở	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”: chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
41	Phát triển cảm xúc thẩm mỹ: + Thích hát một số bài hát quen thuộc và vận động đơn giản theo nhạc, thích nghe hát.	- Nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Thích hát một số bài hát quen thuộc và vận động đơn giản theo nhạc.

	42	- Thích: tô màu, vẽ nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh, nghe hát, hát, vận động theo nhạc.	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh - Tô màu, vẽ tranh, xé dán, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc bằng bút sáp, phấn).
--	----	--	---

## 2. Mẫu giáo:

### II.1. Trẻ 3-4 tuổi:

Lĩnh vực	Số thứ tự	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Lĩnh vực phát triển thể chất	01	- Cân nặng của trẻ đạt theo độ tuổi	- Cho trẻ ăn, uống đủ đúng theo định lượng, phù hợp theo lứa tuổi. - Có chế độ sinh hoạt, tập luyện phù hợp, khoa học. - Trẻ đạt cân nặng theo độ tuổi
	02	- Chiều cao của trẻ đạt theo độ tuổi	- Cho trẻ ăn, uống đủ đúng theo định lượng, phù hợp theo lứa tuổi. - Có chế độ sinh hoạt, tập luyện phù hợp, khoa học. - Trẻ đạt cân nặng theo độ tuổi
	03	- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.	- Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân theo hiệu lệnh hoặc theo nhạc.
	04	- Đi đúng tư thế	- Trẻ đi chân bước đều, phối hợp tay chân nhịp nhàng, người ngay ngắn, đầu không cúi
	05	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi	- Đi trong đường hẹp - Đi thăng bằng đầu đội túi cát - Đi theo hiệu lệnh
	06	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động trèo	- Trèo thang - Trèo qua ghế - Trèo lên xuống bậc cao 35cm
	07	- Trẻ kiểm soát được vận động khi chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh, chạy đích dắc.	- Chạy chậm 10m - Chạy dắc qua 3-4 chướng ngại vật

08	- Trẻ kiểm soát được vận động khi nhảy.	- Nhảy cao như bóng nảy - Nhảy qua dây - Nhảy qua vật cản
09	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m	- Trẻ chạy liên tục theo hướng thẳng 15m.
10	- Tung và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 2,5m)	- Trẻ biết tung và bắt bóng với người đối diện.
11	- Trẻ phối hợp tốt tay - mắt khi tung, đập bắt bóng...	- Đập và bắt bóng - Chuyển bắt bóng 2 bên - Chuyển bắt bóng trên đầu - Chuyển bắt bóng theo từng đôi - Lăn bóng theo từng đôi
12	- Trẻ phối hợp tốt tay - mắt khi ném, bắt bóng...	- Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích, đích thẳng đứng - Ném trúng đích, đích nằm ngang
13	- Trẻ vận động nhanh, mạnh, khéo khi bò	- Bò theo hướng thẳng - Bò trong đường hẹp - Bò chui qua cổng - Bò đích đất qua 3 điểm
14	- Trẻ vận động nhanh, mạnh, khéo khi trườn.	- Trườn sấp theo hướng thẳng - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế
15	- Trẻ vận động nhanh, mạnh, khéo khi bật.	- Bật tiến về trước - Bật sâu 35cm - Bật xa 35cm - Bật chụm chân, tách chân theo ô - Bật qua vật cản
16	- Trẻ thực hiện được các vận động của ngón tay, bàn tay, cổ tay, có sự phối hợp giữa bàn tay và ngón tay.	- Thực hiện luyện tay: vỗ tay, vẫy tay; co duỗi ngón tay; đan các ngón tay vào nhau, vẽ, sử dụng kéo... - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay - Sử dụng kéo, bút. - Tự vẽ nguệch ngoạc. - Vẽ được hình tròn theo mẫu
17	- Xếp chồng 10-12 khối	- Trẻ biết xếp chồng các khối gỗ lên nhau.
18	- Thực hiện một số việc đơn giản: rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất	- Vệ sinh cá nhân, (rửa tay, lấy khăn lau mặt...); tự cởi, mặc quần áo có sự hỗ trợ của người lớn ...

		(vớ), cởi quần áo... với sự giúp đỡ	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt
	19	- Sử dụng bát, thìa đúng cách	- Biết cầm thìa, bát tự xúc ăn.
	20	- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu	- Biết thể hiện bằng lời nói về nhu cầu của bản thân như: bị đau, ...
	21	- Nói tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn thấy vật thật, tranh ảnh: thịt – cá, rau – quả	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
	22	- Trẻ kể được tên và bước đầu biết tránh một số vật, nơi, hành động gây nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	23	- Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Trẻ biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng. - Mặc trang phục phù hợp.
	24	- Cắt được theo đường thẳng 10cm	- Cắt 1 đoạn thẳng 10cm.
Lĩnh vực Phát triển nhận thức	25	- Trẻ thích tìm hiểu, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh	- Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây hoa, quả gần gũi, ích lợi tác hại đối với con người - Một số hiện tượng thiên nhiên
	26	- Trẻ biết sử dụng các giác quan để quan sát, khám phá các sự vật hiện tượng	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát - Một số nguồn sáng trong sinh hoạt hằng ngày.
	27	- Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật	- Biết tên các loài hoa, quả và một số đặc điểm đặc trưng của chúng.

	của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc	
28	- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng khi quan sát với sự giúp đỡ	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối quen thuộc với môi trường sống của chúng ta. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.
29	- Phân loại đối tượng theo 1 dấu hiệu	- So sánh sự giống và khác nhau của 2 đồ dùng, đồ chơi, con vật cây hoa, quả - Phân loại đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông, hoa quả, cây, con vật theo 1-2 dấu hiệu.
30	- Đếm trên các đối tượng có số lượng 1 và 2; nhận biết 1 và nhiều	- Nhận biết 1 và nhiều. - Đếm trên đối tượng có số lượng 1 và 2.
31	- Đếm trên các đối tượng trong phạm vi 5.	- Sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. - So sánh số lượng của 2 nhóm và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Đếm trên đối tượng giống nhau và đếm đến 5. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
32	- So sánh số lượng 2 đối tượng trong phạm vi 5; nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- So sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5. - Nói được kết quả.
33	- Trẻ biết tách, gộp hai nhóm có số lượng trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.
34	- Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ
35	- Trẻ nhận ra được sự khác nhau về kích thước và nói được các từ: to, nhỏ hơn; dài hơn,	- So sánh 2 đối tượng về kích thước

		ngắn hơn; cao hơn, thấp hơn; bằng nhau.	
	36	- Nhận dạng và gọi tên các hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên các hình và nhận dạng các hình trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.
	37	- Trẻ xác định được vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân trẻ.	- Nhận biết phía trên – phía dưới, phía trước – phía sau, tay phải- tay trái của bản thân.
	38	- Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình, trường lớp mầm non.	- Họ tên, tuổi, giới tính của bản thân - Họ tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình địa chỉ của gia đình. - Tên trường lớp, cô giáo, bạn, đồ dùng đồ chơi, công việc của người lớn trong trường mầm non, địa chỉ của trường, các hoạt động của trẻ ở trường
	39	- Trẻ kể được tên, sản phẩm, công cụ sản xuất và ích lợi của một số ngành nghề.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, ích lợi của một số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
	40	- Trẻ kể được tên và nêu đặc điểm một số lễ hội, danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương, cờ Tổ quốc.
	41	- Trẻ biết làm một số thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Làm một số thử nghiệm đơn giản - Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	42	- Trẻ thể hiện được hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau như: mô tả đối tượng, thể hiện điều quan sát được qua các trò chơi, hát múa, vẽ nặn xé, dán....	- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng - Chơi trò chơi đóng vai, hát bài hát về cây, con vật.... - Vẽ, xé, dán nặn, con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, PTGT đơn giản.
	43	- Nói rõ các tiếng	- Phát âm rõ các tiếng có phụ âm đầu; - Đọc các bài đồng dao luyện phát âm ;

		- Trò chuyện đàm thoại một số nội dung có trong chương trình GD;
44	- Trẻ biết nghe hiểu được lời nói trong giao tiếp đơn giản, hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Các từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ...
45	- Phát âm rõ ràng để người khác hiểu được	- Phát âm rõ các tiếng - Đọc những bài đồng dao luyện âm - Trò chuyện, đàm thoại một số nội dung trong chương trình
46	- Biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại (cái gì? ở đâu, làm gì)	- Thực hiện được 2-3 yêu cầu của giáo viên. - Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi
47	- Trẻ đọc theo được bài thơ, ca dao, đồng dao	- Nghe đọc truyện, kể chuyện, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố... về: đồ dùng, con vật, cây cối, đồ chơi trong trường mầm non, đồ dùng gia đình...
48	- Kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	- Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
49	- Trẻ biết kể lại những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân	- Kể lại sự việc - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ - Bày tỏ tình cảm (Yêu, ghét..), nhu cầu (ăn, ngủ, vệ sinh...) và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.
50	- Trẻ biết sử dụng các từ thể hiện sự lịch sự, lễ phép trong giao tiếp với người lớn và bạn bè.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
51	- Trẻ biết tự giờ sách xem và đề nghị người khác đọc sách cho nghe	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt - Giữ gìn sách

	52	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	- Nói được tên nhân vật có trong tranh.
Lĩnh vực Phát triển thẩm mỹ	53	- Bước đầu trẻ biết bộc lộ xúc qua lời nói, hành động khi nghe âm thanh gợi cảm, ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng xung quanh.	- Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. - Bộc lộ xúc qua lời nói, hành động khi nghe âm thanh gợi cảm, ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	54	- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay, vận động, minh họa)	- Nghe các bài hát, bản nhạc (thiếu nhi, dân ca). - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.
	55	- Thích quan tâm đến cảnh vật thiên nhiên, chăm sóc cây, bỏ rác đúng nơi qui định	- Nhận biết cây cối, con vật cần chăm sóc để lớn lên và phát triển. - Thể hiện tình cảm với thiên nhiên, thích được tham gia chăm sóc cây cối
	56	- Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm đơn giản, có sự gợi ý	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Nhận xét sản phẩm tạo hình, đặt tên cho sản phẩm của mình
	57	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.
	58	- Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đẹp.
	59	- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động tạo hình	- Trẻ thực hiện động tác lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. - Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản
	60	- Hát theo giai điệu, lời ca của bài hát quen thuộc.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu, nhạc dân ca)

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.</li> <li>- Sử dụng các nhạc cụ gõ đệm theo nhịp, phách.</li> <li>- Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc</li> </ul>
	61	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Biết tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích và đặt tên cho sản phẩm của mình.
	62	- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp, đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lăn dọc trên bàn hoặc lòng bàn tay viên đất thành cái bút, viên phấn, con giun,...</li> <li>- Lăn tròn viên đất tạo thành hòn bi, quả, cái kẹo, ... trẻ đặt viên nọ lên viên kia ;</li> <li>- Ấn bẹt viên đất tạo thành những chiếc bánh, bánh xe có kích thước to nhỏ khác nhau;</li> <li>- Phối hợp các thao tác lăn dọc, uốn cong, xoay tròn, ấn bẹt, ... để tạo thành các sản phẩm đơn giản: cái vòng quả cam có cuống, đồ chơi;</li> </ul>
	63	- Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các cấu trúc đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách các khối gỗ thành: ngôi nhà, ô tô, tàu hỏa, bàn, ghế, hàng rào, ...</li> <li>- Xếp bằng các hình, hạt hạt, ... thành quả bóng, hoa quả, ông mặt trời, em bé, ngôi nhà, một số đồ dùng trong gia đình, ...</li> </ul>
	64	- Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống</li> <li>- Tiếp xúc với chữ, sách truyện</li> </ul>
Lĩnh vực Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	65	- Trẻ có ý thức về bản thân, thể hiện sự tự tin, tự lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, tuổi, giới tính, ngày sinh nhật của bé; quý trọng bản thân: làm đẹp, giữ gìn các giác quan trên cơ thể.</li> <li>- Những điều bé thích, không thích.</li> <li>- Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.</li> <li>- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, và khi trả lời câu</li> </ul>
	66	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên của bố, mẹ	- Tên tuổi giới tính của bé, của bố mẹ, những điều bé thích, không thích.

67	- Trẻ nhận ra được cảm xúc và biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói qua tranh ảnh.	- Nhận ra được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói qua tranh ảnh. - Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.
68	- Thực hiện được một số quy định (cất xếp đồ chơi, đồ dùng, không tranh dành đồ chơi)	- Chú ý nghe cô, bạn nói trong giao tiếp, trong giờ học, biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, xin phép. - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ - Chờ đến lượt - Bảo vệ, chăm sóc con vật cây cối - Nhận biết hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Một số quy định ở lớp và gia đình
69	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép khi được nhắc nhở	- Có thói quen giao tiếp lịch sự, biết lắng nghe người khác nói, trả lời lễ phép. - Cảm ơn khi nhận quà, có thái độ xin lỗi khi làm sai.
70	- Quan tâm đến môi trường.	- Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối, thiên nhiên. - Giữ gìn bảo vệ di tích lịch sử, tự hào vẻ đẹp quê hương.
71	- Cùng chơi với bạn	- Trẻ thích chơi cùng các bạn, không tranh giành đồ chơi. - Chú ý nghe cô, bạn nói trong giao tiếp, trong giờ học, biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, xin phép.
72	- Nói được điều bé thích, không thích	- Sở thích và khả năng của bản thân;
73	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	- Trẻ mạnh dạn trả lời khi người khác hỏi; - Biết chơi cùng bạn;
74	- Cố gắng thực hiện công việc được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...)	- Tự tin khi thực hiện công việc được giao; - Hoàn thành công việc được giao;

	75	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh Bác Hồ.	- Đọc thơ và hát các bài hát về Bác. - Nghe và Kể các câu chuyện về Bác;
	76	- Bỏ rác đúng nơi quy định	- Không vứt rác bừa bãi. - Bỏ rác vào thùng rác.

## II.2. Trẻ 4-5 tuổi:

Lĩnh vực Phát triển	Số thứ tự	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
Lĩnh vực phát triển thể chất	1	- Cân nặng của trẻ đạt theo độ tuổi.	- Cho trẻ ăn, uống đủ đúng theo định lượng, phù hợp theo lứa tuổi. - Có chế độ sinh hoạt, tập luyện phù hợp, khoa học. - Trẻ đạt cân nặng theo độ tuổi
	2	- Chiều cao của trẻ đạt theo độ tuổi.	- Cho trẻ ăn, uống đủ đúng theo định lượng, phù hợp theo lứa tuổi. - Có chế độ sinh hoạt, tập luyện phù hợp, khoa học. - Trẻ đạt cân nặng theo độ tuổi
	3	- Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: thở, tay, lưng, bụng, lườn, chân
	4	- Đi thăng bằng được trên ghế thể dục	- Đi bằng mép bàn chân, đi bằng mũi bàn chân, đi bằng gót chân. - Đi khụy gối, đi lùi. - Đi thăng bằng đầu đội túi cát - Đi trên dây, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
	5	- Ném trúng đích ngang (xa 2m)	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném trúng đích nằm ngang
	6	- Tung bắt bóng với người đối diện khoảng cách 3m	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Đập và bắt bóng tại chỗ - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân - Tung bóng với người đối diện
	7	- Nhảy	- Nhảy lò cò - Nhảy từ trên cao xuống
	8	- Bò	- Bò bằng bàn tay, bàn chân - Bò bằng bàn tay, cẳng chân - Bò zích zắc

		- Bò chui qua cổng
9	- Bật	- Bật liên tục về phía trước - Bật qua vật cản - Bật tách khớp chân qua 5 ô
10	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong khoảng thời gian 10 giây	- Chạy chậm 60m - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn, hiệu lệnh. - Chạy theo bóng và bắt bóng - Chạy theo đường đích đặc
11	- Cắt được theo đường thẳng	- Cầm kéo và cầm giấy đúng cách - Cắt theo đường thẳng
12	- Xếp, chồng 10-12 khối	- Xếp chồng được các khối gỗ lên với nhau, không làm đổ.
13	- Tự cài, cởi cúc, kéo phéc mớ tuya	- Cài, cởi cúc áo, kéo khoá
14	- Nói tên một số món ăn hàng ngày (rau luộc, thịt kho, cá rán, canh, cơm)	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm - Nhận biết cách chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật
15	- Tự rửa tay, lau mặt, đánh răng	- Thói quen trong sinh hoạt: đánh răng, rửa tay bằng xà phòng - Kỹ năng rửa tay, lau mặt, đánh răng. - Giữ gìn vệ sinh răng miệng, đầu tóc, mặt mũi, sạch sẽ, gọn gàng...
16	- Tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
17	- Biết gọi người giúp đỡ khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: bị đau, chảy máu, ngã, cháy, bị lạc	. Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. + Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: . Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. . Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.

	<p>18</p> <p>- Nhận biết và phòng tránh những vật/ hành động nguy hiểm, nơi không an toàn (bàn là đang dùng, bếp đang nấu, vật nhọn sắc, leo trèo bàn ghế, bể chứa nước, giếng, cống...)</p>	<p>+ Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.</p> <p>+ Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước ... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.</p>
	<p>19</p> <p>- Không ăn thức ăn có mùi ôi, thiu, không uống nước lã.</p>	<p>- Biết và không uống nước lã vì không tốt cho sức khỏe.</p> <p>- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.</p>
	<p>20</p> <p>- Thực hiện được một số hành vi, thói quen tốt trong ăn uống, trong vệ sinh và giữ gìn sức khỏe</p>	<p>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe</p> <p>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người</p> <p>- Nhận biết trang phục theo thời tiết</p> <p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm</p>
	<p>21</p> <p>Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</p>	<p>+ Biết một số thực phẩm cùng nhóm:</p> <p>. Thịt, cá, ... có nhiều chất đạm.</p> <p>. Rau, quả chín có nhiều vitamin.</p> <p>+ Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, cháo...</p> <p>+ Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.</p>
	<p>22</p> <p>- Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe:</p>	<p>+ Có một số hành vi tốt trong ăn uống:</p> <p>. Mời cô, mời các bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.</p> <p>. Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau ...</p> <p>. Không uống nước lã.</p> <p>+ Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <p>. Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học.</p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</li> <li>. Đi vệ sinh đúng nơi nơi quy định.</li> <li>. Bỏ rác đúng nơi quy định.</li> </ul>
Lĩnh vực Phát triển nhận thức	23	- Trẻ thích tìm hiểu, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể</li> <li>- Đặc điểm, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi</li> <li>- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông</li> <li>- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây hoa, quả gần gũi, ích lợi tác hại đối với con người</li> <li>- Một số hiện tượng thiên nhiên</li> </ul>
	24	- Biết tìm hiểu nguyên nhân xảy ra của các sự vật, hiện tượng đơn giản xung quanh, biết đặt câu hỏi: tại sao (cây lại héo? Lá bị ướt)	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?...</li> <li>+ Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</li> <li>+ Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.</li> </ul>
	25	- Trẻ biết sử dụng các giác quan để quan sát, khám phá các sự vật hiện tượng	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</li> <li>+ Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.</li> </ul>
	26	- Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả gần gũi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự thay đổi của con vật như: thay lông, đẻ con, đẻ trứng...cây, hoa, quả gần gũi.</li> <li>- Sự thay đổi cây, hoa, quả gần gũi như: ra lá non, ra hoa, kết quả... sự thay đổi của cây, hoa, quả theo mùa.</li> </ul>
	27	- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng.	+ Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.

		+ Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
28	- Phân loại đối tượng theo 1-2 dấu hiệu.	- So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi, con vật, cây hoa, quả - Phân loại đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông, hoa quả, cây, con vật theo 1-2 dấu hiệu.
29	- Nhận biết và gọi tên 4 màu.	- Nhận biết các màu cơ bản như xanh, đỏ, vàng, ... - Nhận biết và gọi tên 4 màu
30	- Đếm trên các đối tượng phạm vi 10.	- Đếm các nhóm đối tượng trong phạm vi 10. - Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe...)
31	- Nhận biết số lượng và thứ tự từ 1-5.	- Biết đếm các nhóm đối tượng từ 1 đến 5, nhận biết các số từ 1 đến 5.
32	Nhận biết được các hình dạng	- Nhận biết tên gọi, đặc điểm nổi bật của các hình như: hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác. - Phân biệt được các hình qua đặc điểm bên ngoài. - Biết ghép các hình khác nhau thành hình học đơn giản như: hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác.
33	Thể hiện sự hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.
34	- Trẻ nhận ra và gọi được tên một số hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- So sánh sự giống và khác nhau của các hình : hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.

			- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	35	- Biết vị trí của vật so với bản thân.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái). - Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.
	36	Biết sắp xếp theo quy tắc	- Xếp xen kẽ - Sắp xếp các đối tượng theo một quy tắc nhất định. - Sắp xếp theo mẫu và sao chép lại.
	37	- Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình, trường lớp mầm non.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân - Họ tên, công việc của các thành viên trong gia đình, nhu cầu của gia đình, địa chỉ, số điện thoại của gia đình. - Tên trường lớp, cô giáo, bạn, đồ dùng đồ chơi, công việc của người lớn trong trường mầm non, địa chỉ của trường, các hoạt động của trẻ ở trường
	38	- Trẻ kể được tên, sản phẩm, công cụ sản xuất và ích lợi của một số ngành nghề.	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi của một số nghề. - Ý nghĩa của một số nghề.
	39	- Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	40	- Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát	- Các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Các từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ... - Nghe một số câu chuyện, bài hát, bài thơ, ca dao, hò vè, câu đố... phù hợp với độ tuổi.
	41	- Biết lắng nghe kể chuyện và đặt câu hỏi theo nội dung truyện.	- Chú ý nghe cô kể chuyện và kể lại chuyện. - Đặt câu hỏi theo nội dung chuyện. Ví dụ: tại sao bà lại hóa thành chim... - Hiểu ý nghĩa của nội dung câu chuyện.

42	- Thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp.	- Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp. - Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2,3 hành động.
43	- Kể lại các sự việc đơn giản theo trình tự thời gian.	- Nhận biết thời gian trong ngày (buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều...) - Nhận biết được các sự việc đã diễn ra. - Dùng ngôn ngữ của mình để kể sự việc cho người khác nghe và hiểu nội dung.
44	- Trẻ đọc theo được bài thơ, ca dao, đồng dao	- Đọc thơ, đồng dao, ca dao... cùng cô - Tự đọc vẹt các bài thơ, ca dao...
45	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Sử dụng các từ biểu thị cảm xúc phù hợp - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
46	- Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện	- Cho trẻ nghe và bắt chước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện đã được nghe. - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó trong câu chuyện
47	- Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp	- Biết mời cô, mời bạn trước khi ăn. - Biết xin lỗi khi có lỗi, biết cảm ơn. - Sử dụng các từ đó phù hợp với hoàn cảnh, tình huống giao tiếp.
48	- Cầm sách đúng chiều và dở từng trang để xem, “đọc” (đọc vẹt)	- Cầm sách đúng chiều không bị ngược. - Giở sách từng trang để đọc và xem. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ - Giữ gìn, bảo vệ sách
49	- Nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm.	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông.....) - Nhận dạng một số hình ảnh minh họa.

	50	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Tập thói quen tập trung chú ý khi nghe người khác nói. - Trò chuyện và đặt câu hỏi với người đối thoại
	51	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Các từ chỉ tên gọi, đặc điểm của sự vật như: cây cỏ, hoa, lá.. - Các từ chỉ tên gọi, đặc điểm của các hoạt động như: lễ hội, các ngày lễ....
	52	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Nói theo trình tự - Nói vừa đủ nghe, tốc độ nói vừa phải để người nghe có thể hiểu được.
	53	- Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...	- Nhận biết các ký hiệu thông thường, con số và chữ gần gũi - Biết sử dụng các kí hiệu đúng với từng hoạt động
Lĩnh vực Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội	54	- Trẻ biết chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Biết chơi một số đồ chơi theo ý thích của bản thân. - Chơi và chia sẻ đồ chơi với bạn.
	55	- Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Nói được tên trẻ, tên ba, mẹ. - Biết mình là trai hay gái, ăn mặc phù hợp theo giới tính.
	56	- Trẻ nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, giọng nói, cử chỉ, qua tranh ảnh.
	57	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Biết các hành vi và quy tắc ứng xử xã hội: chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi... - Nhận ra những việc làm đúng, làm sai - Sử dụng từ phù hợp với hoàn cảnh.
	58	- Biết làm việc cá nhân và phối hợp với bạn.	- Tự làm công việc theo cách riêng của mình. - Phụ giúp cô và các bạn trong lớp làm những công việc vừa sức. - Chia sẻ, phối hợp với bạn khi tham gia các hoạt động.
	59	- Biết chú ý lắng nghe khi cần thiết.	- Biết các hành vi và quy tắc ứng xử xã hội: chú ý nghe khi người khác nói. - Nghe cô giáo và các bạn nói.

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý kiến bổ sung hoặc hỏi lại khi cần thiết.</li> </ul>
	60	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện sự quan tâm với người thân và bạn bè.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm đến bản thân trẻ.</li> <li>- Quan tâm đến người thân trong gia đình, bạn bè như: khi thấy người thân buồn, vui hoặc có biểu cảm khác...</li> </ul>
	61	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi; hát; vận động; vẽ; nặn; xếp hình...</li> <li>- Tình cảm yêu thương và kính yêu Bác Hồ, người thân trong gia đình, cô giáo.</li> <li>- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước</li> <li>- Thể hiện tình cảm với các con vật.</li> </ul>
	62	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện một số quy định (cất đồ chơi, trực nhật, giờ ngủ không làm ồn, bỏ rác đúng nơi quy định, không để tràn nước khi rửa tay).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện một số quy định ở trường, ở lớp.</li> <li>- Không gây ồn ào làm ảnh hưởng đến người khác.</li> <li>- Nói chuyện vừa đủ nghe</li> <li>- Biết tiết kiệm nước khi sử dụng</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi quy định để giữ gìn lớp học, sân trường sạch sẽ.</li> </ul>
	63	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra Bác Hồ, lăng Bác Hồ qua tranh, ảnh, xem phim tư liệu.</li> <li>- Yêu thương, kính trọng Bác Hồ.</li> <li>- Biết ngày sinh nhật Bác (19/5).</li> </ul>
	64	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xếp hàng khi đi vệ sinh, rửa tay, đi siêu thị...</li> <li>- Có thói quen không chen lấn, xô đẩy bạn.</li> </ul>
	65	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết cây cối, con vật nếu được chăm sóc, bảo vệ sẽ phát tốt.</li> <li>- Biết thể hiện tình cảm với các con vật quen thuộc.</li> <li>- Chăm sóc cây cối như: nhặt lá úa, tưới nước cho cây...</li> </ul>
Lĩnh vực Phát triển	66	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận được vẻ đẹp của màu sắc.</li> <li>- Dùng màu sắc làm đẹp cho bức tranh như: tô màu,...</li> </ul>

thẩm mỹ		màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú các sản phẩm tạo hình và dung lời nói để nói lên cảm xúc của mình về các tác phẩm tạo hình.
	67	- Có một số kỹ năng tạo hình đơn giản: vẽ các nét thẳng, xiên, ngang ... tô màu; xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... tạo hình sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
	68	- Biết sử dụng các nguyên, vật liệu để tạo ra sản phẩm (vẽ, nặn, xé dán).	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên và một số kỹ năng tạo hình để tạo ra sản phẩm.
	69	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	- Thể hiện được sự sáng tạo trong sản phẩm tạo hình như: vẽ, xé dán, nặn... và trình bày được ý tưởng của bản thân.
	70	- Hát theo giai điệu, bài hát quen thuộc; thể hiện được cảm xúc và vận động phù hợp (vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy) với nhịp điệu của bài hát.	- Nghe các loại nhạc khác nhau - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Lựa chọn và Sử dụng các nhạc cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm.
	71	- Làm lốm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Biết chia đất, ấn bẹt, làm lốm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất. - Phối hợp cử động của các ngón tay để tạo thành khối đất có hình dạng để tạo ra sản phẩm. - Phối hợp màu sắc hài hòa, cân đối để tạo thành một sản phẩm hoàn chỉnh.
	72	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Kỹ năng lắp ráp các hình khối. - Kỹ năng phối hợp các hình để tạo thành sản phẩm.
	73	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho bức tranh mà trẻ thích.

**C/ PHẦN III: CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ CỦA NĂM HỌC:**

**I. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRẺ**

**1. Nhóm 18-24 tháng**

THỜI GIAN	THÁNG	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN (Thực hiện chủ đề nhánh)
Từ ngày 25/01-29/01/2021 (1 tuần)	Tháng 1 Ngày tết và mùa xuân	Các loại hoa, quả,..trong ngày tết	Từ ngày: 25/1-29/1/2021
Từ ngày 1/03-2/4/2021 (5 tuần)	Tháng 3 Thiên nhiên quanh bé	Đất, cát	Từ ngày: 01/3-06/3/2021
		Màu sắc	Từ ngày:08/3-13/3/2021
		Nước	Từ ngày: 15/3-20/3/2021
		Ông mặt trời	Từ ngày: 22/3-27/3/2021
		Đồ chơi ngoài trời.	Từ ngày: 29/3-03/04/2021
Từ ngày 5/4-23/4/2021 (3 tuần)	Tháng 4 Kỹ năng sống	Không đi theo người lạ	Từ ngày: 05/04-10/4/2021
		Bỏ rác đúng nơi quy định	Từ ngày: 12/4-17/04/2021
Từ ngày 26/4-28/5/2021 (5 tuần)	Tháng 5 Phương tiện giao thông	Bé biết cảm ơn	Từ ngày: 19/04-24/4/2021
		Phương tiện giao thông (Xe máy, xe đạp...)	Từ ngày: 26/4-30/4/2021
		Phương tiện giao thông (Tàu lửa, ô tô)	Từ ngày: 03/5-08/5/2021
		Phương tiện giao thông (máy bay, thuyền)	Từ ngày: 10/5-15/05/2021
		Bé ngồi xe an toàn	Từ ngày: 17/5-22/5/2021
		Luật giao thông (Đèn xanh, đỏ, vàng)	Từ ngày: 24/5-29/05/2021

**II. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MẪU GIÁO**

**1. Mẫu giáo mầm (3-4 tuổi):**

THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ LỚN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN (Thực hiện chủ đề nhánh)
-----------	------------------	--------------	--

Từ ngày 25/01-29/01/2021 (1 tuần)	Tết và mùa xuân	Quang cảnh mùa xuân	Từ ngày 25/01 - 29/01/2021
Từ ngày 01/3-19/3/2021 (4 tuần)	Giao thông của bé	PTGT đường hàng không	Từ ngày 01/03- 06/3/2021
		PTGT đường thủy	Từ ngày 08/03 -13/3/2021
		Luật giao thông (đèn xanh, đèn đỏ, đèn vàng)	Từ ngày 15/03 - 20/3/2021
Từ ngày 22/3-16/4/2021 (4 tuần)	Động vật	Một số con vật nuôi trong gia đình	Từ ngày 22/03 - 26/3/2021
		Một số con vật sống trong rừng	Từ ngày 29/3- 03/4/2021
		Một số con vật sống dưới nước	Từ ngày: 05/04 -10/04/2021
		Một số con côn trùng	Từ ngày 12/04 -17/4/2021
Từ ngày 19/4-14/5/2021 (4 tuần)	Nước và một số hiện tự nhiên	Nước	Từ ngày 19/04-24/4/2021
		Các hiện tượng thời tiết	Từ ngày 26/04 - 30/4/2021
		Các mùa trong năm	Từ ngày 03-08/5/2021
		Mùa hè của bé	Từ ngày 10/05-15/5/2021
Từ ngày 17/5-28/5/2021 (2 tuần)	Quê hương	Bàu Bàng quê em	Từ ngày 17/05 - 22/5/2021
		Bác Hồ kính yêu	Từ ngày 24 - 29/5/2021

## 2. Mẫu giáo Chồi (4-5 tuổi)

THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ LỚN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN (Thực hiện chủ đề nhánh)
Từ ngày 25/01-05/02/2021 (2 tuần)	Ngày Tết của bé	Hoa, quả đặc trưng trong ngày Tết	Từ 25 - 30/01/2021
		Tết nguyên đán	Từ 01-05/02/2021
Từ ngày 22/2-19/3/2021 (4 tuần)	Động vật	Động vật nuôi trong gia đình	Từ 22/2-26/2/2021
		Động vật sống dưới nước	Từ 01-06/3/2021
		Động vật sống trong rừng	Từ 08-13/3/2021

		Côn trùng	Từ 15-20/3/2021
Từ ngày 22/3 - 16/4/2021 (4 tuần)	Giao thông	PTGT đường bộ	Từ 22 -27/3/2021
		PTGT đường thủy	Từ 29/3 -03/4/2021
		PTGT đường hàng không và đường sắt	Từ 05 - 10/4/2021
		Luật gia thông	Từ 12-17/4/2021
Từ ngày 19/4-30/4/2020 (2 tuần)	Kĩ năng sống	Bé bảo vệ môi trường	Từ 19-23/4/2021
		Bé biết bảo vệ bảo thân	Từ 26-30/4/2021
Từ ngày 03/5 - 29/5/2020 (4 tuần)	Quê huương-Đất nước-Bác Hồ	Đất nước Việt Nam	Từ 03-08/5/2021
		Bầu Bàng quê em	10/5/ - 15/5/2021
		Bác Hồ kính yêu	Từ 17-22/5/2021
		Bác Hồ và các cháu thiếu nhi	Từ 24-29/5/2021

## D/ PHẦN IV: CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

### I. Nhà trẻ:

#### 1. Nhóm trẻ: 18-24 tháng

Thời gian	Số phút	Hoạt động
6h30-7h	30	Đón trẻ.
7h-7h10	10	Thẻ dực sáng.
7h10-7h15	5	Điểm danh.
7h15-7h25	10	Vệ sinh chuẩn bị ăn sáng: rửa tay
7h25-8h5	40	Ăn sáng, uống sữa.
8h5-8h35	30	Hoạt động ngoài trời.
8h35-8h55	20	Vệ sinh (rửa chân, tay, lau mặt)
8h55-9h15	20	Hoạt động học: Giáo dục âm nhạc, thơ, chuyện, vận động, nhận biết tập nói, nhận biết phân biệt, hoạt động với đồ vật.
		Thứ 2   Thứ 3   Thứ 4   Thứ 5   Thứ 6   Thứ 7
9h15-9h25	10	Vệ sinh
9h25-9h55	30	Hoạt động vui chơi.
9h55-10h10	15	Vệ sinh: Rửa tay, lau mặt.
10h10-11h	50	Ăn trưa
11h-11h20	20	Vệ sinh: lau mặt, thay quần áo.
11h20-13h50	150	Ngủ trưa.
13h50-14h	10	Vệ sinh: Cột tóc, lau mặt.

14h-14h20	20	Ăn xế (uống sữa, yaourt, bánh flan, ....)				
14h20-14h40	20	Sinh hoạt chiều				
		Xem ti vi	Vận động	Chơi với đồ chơi	Trò chơi dân gian	Xem ti vi
14h50-15h	20	Vệ sinh: Rửa tay				
15h-15h40	40	Ăn chiều.				
15h40-16h	20	Vệ sinh: Lau mặt, thay đồ				
16h-16h30	30	Chơi tự do				
16h30-17h	30	Trả trẻ.				

## II. Mẫu giáo:

### Khối Mầm + Chồi

Thời gian	Số phút	Hoạt động					
6h30-7h	30	Đón trẻ.					
7h-7h15	15	Thể dục sáng.					
7h15-7h20	5	Điểm danh.					
7h20-7h30	10	Vệ sinh chuẩn bị ăn sáng: rửa tay					
7h30-8h00	30	Ăn sáng, uống sữa.					
8h10-8h40	30	Hoạt động ngoài trời.					
8h40-8h50	10	Vệ sinh (rửa chân, tay, lau mặt)					
8h50-9h30	40	Thứ 2 Tìm hiểu môi trường	Thứ 3 - Thể dục - Làm quen văn học (Phát triển ngôn ngữ)	Thứ 4 Giáo dục âm nhạc	Thứ 5 Làm quen với toán	Thứ 6 Tạo hình	Thứ 7 Ôn tập
9h30-10h10	40	Hoạt động vui chơi.					
10h10-10h20	10	Vệ sinh: Rửa tay, lau mặt.					
10h20-11h	40	Ăn trưa					
11h-11h20	20	Vệ sinh: lau mặt, thay quần áo.					
11h20-13h50	150	Ngủ trưa.					
13h50-14h5	15	Vệ sinh: Cột tóc, lau mặt.					
14h5-14h20	15	Ăn xế (uống sữa, yaourt, bánh flan, chanh dây, ....)					

14h20-15h	40	Sinh hoạt chiều				
		Làm quen bài mới (truyện, thơ, bài hát)	Thao tác vệ sinh	Tạo hình ngoài tiết học	Ôn (truyện, thơ, bài hát)	Lao động tập thể
15h-15h10	10	Vệ sinh: Rửa tay				
15h10-15h40	30	Ăn chiều.				
15h40-15h50	10	Vệ sinh: Lau mặt				
15h50-16h30	40	Hoạt động nêu gương cuối ngày (thứ 6: nêu gương cuối tuần).				
16h30-17h	30	Trả trẻ.				

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2020-2021 của Nhóm trẻ - Lớp mẫu giáo An An. Đề nghị các bộ phận nghiêm túc thực hiện theo kế hoạch./.

**Nơi nhận:**

- Giáo Viên nhóm trẻ
- Lưu: HSCM

Lai Uyên, Ngày tháng năm 2021  
**NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH**

